

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 4

MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Listen and complete each sentence below with NO MORE THAN THREE WORDS.**Bài nghe:**

Lan: What's wrong with your teeth, Minh?

Minh: I have a toothache.

Lan: Why is that?

Minh: I think I eat a lot of candies every day.

Lan: Do you brush your teeth regularly?

Minh: No, I don't.

Lan: Oh, you should brush your teeth three times a day.

Minh: But my tooth really hurts now. What should I do?

Lan: I think you should go to the dentist.

Minh: I will. Thanks for your advice.

Tạm dịch:*Lan: Răng cậu sao thế, Minh?**Minh: Tôi bị đau răng.**Lan: Sao lại vậy?**Minh: Tôi nghĩ là do tôi ăn nhiều kẹo mỗi ngày.**Lan: Cậu có đánh răng thường xuyên không?**Minh: Không đâu ấy.**Lan: Ôi, cậu nên đánh răng ba lần mỗi ngày đi chứ.**Minh: Nhưng giờ răng tôi đau lắm. Tôi phải làm gì đây?**Lan: Tôi nghĩ cậu nên đi khám nha sĩ.**Minh: Tôi sẽ đi. Cảm ơn cậu vì lời khuyên nhé.***Phương pháp giải:**

- Đọc các câu đề bài và xác định xem có thể điền loại thông tin gì vào chỗ trống

- Nghe và chú ý vào những thông tin đã xác định.
- Lựa chọn duy nhất một từ cả về mặt ngữ pháp và ngữ nghĩa để điền vào chỗ trống.

1.

Minh is having _____.

(Minh bị _____.)

Thông tin:

Lan: What's wrong with your teeth, Minh?

(Răng cậu sao thế, Minh?)

Minh: I have a toothache.

(Tôi bị đau răng.)

Đáp án: a toothache

2.

Minh eats a lot of candies _____.

(Minh ăn rất nhiều kẹo vào _____.)

Thông tin:

Minh: I think I eat a lot of candies every day.

(Tôi nghĩ là do tôi ăn nhiều kẹo mỗi ngày.)

Đáp án: every day

3.

Minh doesn't _____ regularly.

(Minh không _____ thường xuyên.)

Thông tin:

Lan: Do you brush your teeth regularly?

(Cậu có đánh răng thường xuyên không?)

Minh: No, I don't.

(Không đâu áy.)

Đáp án: brush his teeth

4.

Lan says that Minh should brush his teeth _____ a day.

(Lan nói rằng Minh nên đánh răng _____ mỗi ngày.)

Thông tin:

Lan: Oh, you should brush your teeth three times a day.

(Ôi, cậu nên đánh răng ba lần mỗi ngày đi chứ.)

Đáp án: three times

5.

Lan thinks Minh should visit _____.

(Lan nghĩ rằng Minh nên đến gặp _____.)

Thông tin:

Lan: I think you should go to the dentist.

(Tớ nghĩ cậu nên đi khám nha sĩ.)

Đáp án: the dentist

II. Choose the correct answers.

1.

Phương pháp giải:

Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng ngữ pháp và hợp lý về mặt ngữ nghĩa.

Lời giải chi tiết:

Đây là một câu hỏi Wh ở thì quá khứ đơn với động từ to be:

Wh + were + you + trạng từ thời gian?

Where were you last summer?

(Mùa hè trước bạn đã ở đâu thế?)

Đáp án: B

2.

Phương pháp giải:

Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng ngữ pháp và hợp lý về mặt ngữ nghĩa.

Lời giải chi tiết:

A. Will: dùng ở thì tương lai đơn, nói về hoạt động xảy ra trong tương lai => Phù hợp về nghĩa và cả ngữ pháp

B. Are: dùng ở thì hiện tại đơn => không đúng về mặt ngữ pháp (“decorate” là một động từ thường, không dùng với to be)

C. Did: dùng ở thì quá khứ đơn, nói về hoạt động xảy ra trong quá khứ => không phù hợp về mặt nghĩa (Câu “Tet is coming” nói về việc sẽ xảy ra trong tương lai nên câu phía sau không thể ở thì quá khứ được)

Tet is coming. **Will** you decorate your house before Tet?

(Tết đang đến. Bạn sẽ trang trí nhà của trước Tết chứ?)

Đáp án: A

3.

Phương pháp giải:

Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng ngữ pháp và hợp lý về mặt ngữ nghĩa.

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc câu hỏi Wh ở thì tương lai đơn với động từ thường:

Wh + will + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

What drink **will you have** at our class party?

(Bạn sẽ uống gì ở bữa tiệc lớp mình?)

Đáp án: C

4.

Phương pháp giải:

Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng ngữ pháp và hợp lý về mặt ngữ nghĩa.

Lời giải chi tiết:

want + động từ nguyên mẫu có “to”: muốn làm gì

My sister wants **to stay** healthy.

(Chị gái tôi muốn giữ sức khỏe.)

Đáp án: B

5.

Phương pháp giải:

- Đây là câu hỏi từ vựng.
- Dịch câu và các phương án.
- Lựa chọn ra từ phù hợp nhất về mặt ý nghĩa để điền vào câu.

Lời giải chi tiết:

What's the _____? – I have a sore throat.

(Có _____ gì thế? – Tôi bị đau họng.)

- A. point (n): điểm
- B. matter (n): vấn đề
- C. doctor (n): bác sĩ

Đáp án: B

III. Read and decide if each statement below is True or False.

I am Tom. I love Children's Day! This year, we'll have a party at school. The party will start with a talent competition. Pupils will dance, sing or act in front of the whole school. The best singer, dancer and actor will get a prize. Then we will play Musical chairs and Pass the parcel. Games are so much fun! For lunch, we'll have pizza, salad and noodles. We'll drink milk tea and orange juice. In the afternoon, we'll play sports, like football and basketball. I'll take some photos of my friends playing sports. Finally, we'll watch cartoons before going home.

Tạm dịch:

Mình là Tom. Mình rất thích Ngày Quốc tế Thiếu nhi! Năm nay, bọn mình sẽ tổ chức một bữa tiệc ở trường. Bữa tiệc sẽ bắt đầu bằng một cuộc thi tài năng. Các bạn học sinh sẽ nhảy, hát hoặc diễn kịch trước toàn trường. Những bạn hát hay nhất, nhảy đẹp nhất và diễn xuất giỏi nhất sẽ nhận được phần thưởng. Sau đó, bọn mình sẽ chơi các trò chơi như Ghế âm nhạc và Chuyển gói quà. Những trò chơi này vui lắm luôn! Đến giờ ăn trưa, bọn mình sẽ có pizza, salad và mì. Bọn mình sẽ uống trà sữa và nước cam. Buổi chiều, bọn mình sẽ chơi thể thao, như bóng đá và bóng rổ. Mình sẽ chụp vài tấm ảnh bạn bè đang chơi thể thao. Cuối cùng, bọn mình sẽ xem hoạt hình trước khi về nhà.

Phương pháp giải:

- Đọc các câu đề bài và gạch chân dưới những từ khoá.

- Đọc và chú ý vào những thông tin đã xác định.
- Đối chiếu thông tin và tìm ra đáp án đúng.

Lời giải chi tiết:

1.

This year, they will have a Children's Day party at the park.

(Năm nay, họ sẽ có một buổi tiệc vào ngày Tết thiếu nhi ở công viên.)

Thông tin:

This year, we'll have a party at school.

(Năm nay, bọn mình sẽ tổ chức một bữa tiệc ở trường.)

Đáp án: False

2.

There will be a talent competition.

(Sẽ có một cuộc thi tài năng.)

Thông tin:

The party will start with a talent competition.

(Bữa tiệc sẽ bắt đầu bằng một cuộc thi tài năng.)

Đáp án: True

3.

They will have noodles, pizza and salad for dinner.

(Họ sẽ ăn mì, pizza và rau trộn vào bữa tối.)

Thông tin:

For lunch, we'll have pizza, salad and noodles.

(Đến giờ ăn trưa, bọn mình sẽ có pizza, salad và mì.)

Đáp án: False

4.

John will take some photos of his friends.

(John sẽ chụp ảnh những người bạn của cậu ấy.)

Thông tin:

I'll take some photos of my friends playing sports.

(Mình sẽ chụp vài tấm ảnh bạn bè đang chơi thể thao.)

Đáp án: True

5.

They will watch a football match before going home.

(Họ sẽ xem một trận bóng đá trước khi về nhà.)

Thông tin:

Finally, we'll watch cartoons before going home.

(Cuối cùng, bọn mình sẽ xem hoạt hình trước khi về nhà.)

Đáp án: False

IV. Put the words in the correct order.

Phương pháp giải:

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xem chức năng và vị trí thông thường của chúng trong câu.
- Xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)
- Áp dụng các cấu trúc câu, sắp xếp các từ đã cho theo một trình tự phù hợp để tạo nên những câu đúng.

Lời giải chi tiết:

1. bought / yesterday / We / some / books / interesting / .

Giải thích: Đây là một câu khẳng định ở thì quá khứ đơn với động từ thường. Ta có cấu trúc:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ đơn + tân ngữ.

Đáp án: We bought some interesting books yesterday.

(Hôm qua chúng tôi đã mua được một vài cuốn sách rất thú vị.)

2. play / every / football / Sunday / friends / his / He / with / .

Giải thích:

Đây là cấu trúc câu khẳng định ở thì hiện tại đơn với động từ thường:

Chủ ngữ số ít + động từ chia + tân ngữ.

Đáp án: He plays football with his friends every Sunday.

(Anh ấy chơi bóng đá cùng bạn bè vào mỗi Chủ Nhật.)

3. your / enjoy / Did / holiday / last / you / ?

Giải thích:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Đáp án: Did you enjoy your holiday last Sunday?

(Bạn có thích chuyến du lịch vào Chủ Nhật tuần trước không?)

4. will / tonight / They / watch / a / movie / .

Giải thích:

Đây là một câu khẳng định ở thì tương lai đơn với động từ thường. Ta có cấu trúc:

Chủ ngữ + will + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Đáp án: They will watch a movie tonight.

(Tối nay họ sẽ xem một bộ phim.)

5. eat / breakfast / What / you / usually / do / for / ?

Giải thích:

Cấu trúc câu hỏi Wh ở thì hiện tại đơn với động từ thường:

Wh + do + you + trạng từ tần suất + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Đáp án: What do you usually eat for breakfast?

(Bạn thường ăn gì cho bữa sáng?)